

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2023
“V/v Ly hôn giữa chị T và anh C”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Lê Thị T trình bày như sau:

Chị Lê Thị T (gọi tắt là chị T) và anh Võ Văn C (gọi tắt là anh C) chung sống với nhau vào năm 2003 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/6/2014 theo quy định.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17, 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Thời gian cách nay 03 năm anh C thay đổi tính nết không quan tâm đến vợ con và gia đình, tiền bạc làm ra anh C đều cất giữ để chi xài cá nhân không đưa cho vợ để nuôi con và trang trải cuộc sống sinh hoạt gia đình. Anh C thường bỏ nhà đi nhiều ngày không nói cho vợ con biết đi đâu làm gì và không cho vợ con liên lạc. Chị T cũng đã nhiều lần trò chuyện với chồng mong nín kéo hạnh phúc gia đình để cùng chăm lo cho các con nhưng anh C bỏ ngoài tai không để ý tới lời nói của vợ. Nhận thấy vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, không còn sự quan tâm đến nhau nên chị T mang con về nhà cha mẹ ruột ở huyện Gò Quao sinh sống cho đến nay được khoảng hai năm. Hiện tại chị T nhận thấy không thể duy trì đời sống hôn nhân với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có ba người con chung tên Võ Phúc T1, sinh ngày 01/01/2004 (đã trưởng thành), Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/4/2018 đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị T xin được nuôi các con chung cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và cháu Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/4/2018, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Võ Văn C vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 có nguyện vọng được sống với mẹ chị Lê Thị T sau khi cha mẹ ly hôn.

Chứng cứ đã thu thập: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy căn cước công dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng), giấy khai sinh của con chung vợ chồng. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Thắm được ly hôn với anh C; về con chung giao cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và Võ Thị Ngọc T2h, sinh ngày 16/4/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Võ Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu ly hôn với anh C và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Chị T và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị T và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời gian ba năm trở lại đây anh C không còn quan tâm, chăm lo đến gia đình vợ con, không còn thể hiện có trách nhiệm làm chồng, làm cha để xây dựng gia đình, thường bỏ nhà đi dài ngày mà không cho vợ con biết đi đâu, làm gì, kinh tế làm ra để chi xài cá nhân, mọi việc làm thể hiện sự thờ ơ lạnh nhạt với cuộc sống gia đình. Mặc dù chị T đã cố gắng níu kéo cuộc sống hôn nhân nhưng anh C cũng bỏ mặc không quan tâm từ đó gia đình không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân nhau trong thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án anh C không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân.

Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có ba người con chung cháu Võ Phúc T1, sinh ngày 01/01/2004 (đã trưởng thành và phát triển bình thường) nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/4/2018, từ khi anh chị ly thân các cháu Võ Phúc L và Võ Thị Ngọc T2 sống với chị T có cuộc sống ổn định hiện tại chị T có thu nhập để nuôi dưỡng con, cháu Võ Phúc L có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, từ đó Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/4/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị T và anh C ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn C.

2. Về con chung:

Đối với Võ Phúc T1, sinh ngày 01/01/2004 (Đã trưởng thành và phát triển bình thường) nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Giao các cháu Võ Phúc L, sinh ngày 23/10/2010 và Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/4/2018 cho chị Lê Thị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Lê Thị T và anh Võ Văn C ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003801 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Thị Thơm